

Số: 1252/QĐ-UBNDLai Châu, ngày 28 tháng 8 năm 2009.**QUYẾT ĐỊNH****Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp  
Mường So huyện Phong Thổ****CHỦ TỊCH UBND TỈNH LAI CHÂU**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;  
Căn cứ Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 19/2008/TT-BXD của Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế;

Theo đề nghị của sở Xây dựng tại Văn bản thẩm định số 155/SXD-QH ngày 27 tháng 07 năm 2009,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt quy hoạch chi tiết khu công nghiệp Phong Thổ huyện Phong Thổ với các nội dung chính như sau:

**1. VỊ TRÍ VÀ GIỚI HẠN KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH CHI TIẾT****1.1. Vị trí :**

Khu đất khảo sát quy hoạch khu công nghiệp Mường So có quy mô diện tích trên 220 ha thuộc địa bàn xã Mường So huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu

**1.2. Giới hạn khu đất như sau :**

Khu công nghiệp được bố trí dọc hai bên đường quốc lộ 4D và quốc lộ 100 với tổng chiều dài khoảng 4,2 km.

- Phía Bắc: Giáp đồi rừng;
- Phía Nam: Giáp đồi rừng;
- Phía Đông: Giáp đồi rừng;
- Phía Tây: Giáp đồi cao.

**1.3. Quy mô: 220 ha; tỷ lệ bản đồ: 1/2000****2. TÍNH CHẤT :**

- Là Khu công nghiệp tập trung với nhiều ngành sản xuất, có sự bố trí phân cụm, nhóm xí nghiệp với các giải pháp không gian và kỹ thuật phù hợp với cảnh quan, vệ sinh môi trường và không gian hiện có.

- Tạo dựng một Khu công nghiệp hoàn chỉnh, đồng bộ, đồng thời đảm bảo tiêu chí của một khu công nghiệp phát triển bền vững trong tương lai.

- Công trình đầu tư mới hạ tầng kỹ thuật (cấp nước, cấp điện, xử lý nước thải) đảm bảo đáp ứng trước mắt và lâu dài cho hoạt động của các nhà máy và xí nghiệp công nghiệp sản xuất trên địa bàn toàn huyện. *6/4*

- Cụ thể hóa quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn từ năm 2010 đến 2020 đã được UBND tỉnh Lai Châu phê duyệt.

### 3. QUY HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN:

#### 3.1. Bảng cân bằng sử dụng đất đai :

TT	Ký hiệu lô đất	Loại đất	Diện tích (ha)	Mật độ xây dựng (%)	Tầng cao trung bình	Hệ số SDD
<b>A+C. NHÀ MÁY XI MĂNG (45,9 ha)</b>						
1	A+C	Đất xây dựng				
<b>B. KHU CHẾ BIẾN NÔNG LÂM SẢN THỰC PHẨM (12,6ha)</b>						
2	B1	Đất XD nhà máy	0,7	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
3	B2	Đất XD nhà máy	0,7	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
4	B3	Đất XD nhà máy	0,7	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
5	B4	Đất XD nhà máy	0,7	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
6	B5	Đất XD nhà máy	0,7	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
7	B6	Đất XD nhà máy	0,7	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
8	B7	Đất XD nhà máy	0,35	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
9	B8	Đất XD nhà máy	0,41	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
10	B9	Đất XD nhà máy	0,41	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
11	B10	Đất XD nhà máy	0,41	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
12	B11	Đất XD nhà máy	0,75	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
13	B12	Đất XD nhà máy	0,75	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
14	B13	Đất XD nhà máy	0,75	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
15	B14	Đất XD nhà máy	0,71	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
16	B15	Đất XD nhà máy	0,71	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
17	B16	Đất XD nhà máy	0,71	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
18	B17	Đất XD nhà máy	0,71	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
19	B18	Đất XD nhà máy	0,71	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
20	B19	Đất XD nhà máy	0,71	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
<b>D. KHU CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN (3,9ha)</b>						

21	D1	Đất XD nhà máy	0,65	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
22	D2	Đất XD nhà máy	0,65	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
23	D3	Đất XD nhà máy	0,65	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
24	D4	Đất XD nhà máy	0,65	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
25	D5	Đất XD nhà máy	0,65	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
26	D6	Đất XD nhà máy	0,65	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7

**E KHU SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG VÀ TTCN (12,1ha)**

27	E1	Đất XD nhà máy	0,48	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
28	E2	Đất XD nhà máy	0,48	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
29	E3	Đất XD nhà máy	0,48	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
30	E4	Đất XD nhà máy	0,48	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
31	E5	Đất XD nhà máy	0,78	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
32	E6	Đất XD nhà máy	0,78	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
33	E7	Đất XD nhà máy	0,78	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
34	E8	Đất XD nhà máy	1,18	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
35	E9	Đất XD nhà máy	0,82	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
36	E10	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65		0,6 - 0,7
37	E11	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
38	E12	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
39	E13	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
40	E14	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
41	E15	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
42	E16	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
43	E17	Đất XD nhà máy	0,6	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
44	E18	Đất XD nhà máy	1,23	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7

**KH. KHU KHO TÀNG HÀNG HÓA (3,6 ha)**

45	KH1	Đất xây dựng kho	0,48	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7
46	KH2	Đất xây dựng kho	0,48	60 - 65	1-2	0,6 - 0,7

47	KH3	Đất xây dựng kho	0,48	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
48	KH4	Đất xây dựng kho	0,48	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
49	KH5	Đất xây dựng kho	0,51	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
50	KH6	Đất xây dựng kho	0,51	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7
51	KH7	Đất xây dựng kho	0,51	60 – 65	1-2	0,6 – 0,7

### 3.2. Phân khu chức năng:

Khu công nghiệp Mường So được phân thành các khu chức năng chính sau:

- Đất trung tâm điều hành.
- Đất xây dựng nhà máy, cơ sở công nghiệp.
- Đất kho hàng, trung chuyển hàng hóa.
- Đất công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Đất giao thông.
- Đất cảnh quan, công viên cây xanh.
- Đất ở.
- Đất dự trữ phát triển.

### 3.3. Tổ chức tuyến và điểm trong cụm công nghiệp

- Các công trình có quy mô lớn trên 3 tầng được bố trí theo tuyến trung tâm và các điểm giao của nút giao thông chính nhằm tối đa khai thác hình khối kiến trúc của các công trình này, đồng thời tô điểm cho không gian của cụm công nghiệp, đảm bảo không bị khô cứng về hình thức

### 3.4. Giải pháp tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc

+ Hệ thống cây xanh tập trung, cây xanh cách ly và cây xanh phân tán dọc theo các tuyến đường giao thông tạo vẻ đẹp cảnh quan thiên nhiên, môi trường và giảm thiểu ô nhiễm, cách ly các cụm chức năng.

+ Hệ thống công trình các nhà xưởng, xí nghiệp phải được bố trí đều, tạo các mảng khối kiến trúc.

+ Kiến trúc khu công nghiệp phải được gắn kết hài hoà với hệ thống cây xanh, mặt nước. Khai thác kiến trúc có phân vị gây cảm giác không đồ sộ, có tính đặc thù và đa dạng về kiểu cách là kiến trúc chủ đạo trong không gian kiến trúc toàn khu, đặc biệt là trong khu vực trung tâm. Đồng thời hình thức không gian kiến trúc phải đảm bảo tính thống nhất, tránh vụn vặt, khai thác tốt kiến trúc hiện đại mang tính dân tộc.

## 4. QUY HOẠCH HẠ TẦNG KỸ THUẬT

### 4.1. Quy hoạch giao thông

#### a. Giải pháp thiết kế quy hoạch giao thông nội bộ

Trong khu công nghiệp được quy hoạch 03 loại đường: đường giao thông đối ngoại, đường sản xuất và đường sinh hoạt.

- Đường giao thông đối ngoại: trên cơ sở điều chỉnh tuyến QL 100 hiện nay đi qua trung tâm công nghiệp điều chỉnh dịch chuyển hướng tuyến về phía suối Nậm So của khu công nghiệp.

- Đường sản xuất: Là tuyến phục vụ cho các hoạt động sản xuất như vận chuyển hàng hóa, người lao động... phục vụ cơ sở sản xuất, kho bãi và các cơ sở dịch vụ, đảm bảo cho giao thông thuận tiện tới từng lô đất.

- Đường sinh hoạt: Là đường tiếp cận các bộ phận như khu đất kỹ thuật, trung tâm điều hành, nối các khu đất với nhau...

- Đường giao thông đối ngoại khu công nghiệp: tổng chiều dài 800m.

+ Chỉ giới đường đỏ: 22 m.

+ Mặt đường xe chạy:  $2 \times 7,5\text{m} = 15\text{ m}$ .

+ Vía hè 2 bên:  $2 \times 3,5\text{ m} = 7\text{ m}$ .

- Đường sản xuất: tổng chiều dài 2.470 m.

+ Chỉ giới đường đỏ: 14,5 m.

+ Mặt đường xe chạy:  $2 \times 3,75\text{m} = 7,5\text{ m}$ .

+ Vía hè 2 bên:  $3,5\text{ m} \times 2 = 7,0\text{ m}$ .

- Đường sinh hoạt: tổng chiều dài 1.220 m.

+ Chỉ giới đường đỏ: 9,5 m.

+ Mặt đường xe chạy: 5,5 m.

+ Vía hè 2 bên:  $2\text{ m} \times 2 = 4,0\text{ m}$ .

#### **b. Các tiêu chuẩn kỹ thuật của đường khu công nghiệp:**

- Độ dốc dọc tối đa của đường  $i_{\max} = 6\%$ .

- Độ dốc ngang mặt đường  $i_{\min} = 2\%$ .

- Bán kính cong nằm tối thiểu  $R_{\min} = 125\text{m}$ .

- Bán kính cong đứng lồi tối thiểu  $R_{\min} = 2.000\text{m}$ .

- Bán kính cong đứng lõm tối thiểu  $R_{\min} = 600\text{m}$ .

- Bán kính cong bó vỉa tại ngã ba, ngã tư tối thiểu  $R_{\min} = 12-30\text{m}$ .

#### **c. Kết cấu mặt đường và vỉa hè**

- Tải trọng thiết kế giao thông cho khu công nghiệp là loại xe H30 với các tiêu chuẩn tính toán:

+ Mô đun đàn hồi yêu cầu  $E_{yc} = 1.270\text{ daN/cm}^2$ .

+ Tải trọng trục tính toán: 12 tấn/trục.

+ Áp lực bánh xe:  $p = 6\text{ daN/cm}^2$

+ Tải trọng bánh xe tiêu chuẩn: 6.000 daN.

+ Đường kính vệt bánh xe:  $D = 36\text{cm}$ .

- Kết cấu mặt đường.

+ Bê tông nhựa hạt mịn dày 5cm.

+ Bê tông nhựa hạt thô dày 7cm.

+ Đá dăm thấm nhập nhựa  $5,5\text{ Kg/m}^2$  dày 10cm.

+ Móng đá học hoặc đá xô hồ dày 16 cm.

+ Nền đường đầm nén đạt  $K = 0,98$ .

#### **4.2. Quy hoạch thoát nước bản, vệ sinh môi trường:**

#### a. Thoát nước mưa:

Lưu vực thoát nước mưa của khu công nghiệp Mường So là 141,3 ha nằm trong ranh giới quy hoạch khu công nghiệp.

Mạng lưới thoát nước mưa được bố trí dọc các tuyến đường giao thông quanh các lô đất để thu nước tự chảy từ trong các lô đất với chế độ thoát nước tự chảy theo độ dốc.

Để thu nước, sử dụng các hố ga thu bố trí dọc hai bên đường với khoảng cách trung bình giữa các ga thu từ 35-40m. Nước sau khi được thu vào hệ thống rãnh bằng các ga thu một phần sẽ thoát ra ngoài khu công nghiệp theo độ dốc tự nhiên, một phần được dẫn ra rãnh thoát nước dọc theo đường 4D và đường 100.

Rãnh thoát nước được làm bằng ống cống bê tông cốt D400-D1.200. Các hố ga được xây bằng gạch, nắp đậy bằng tấm đan bê tông cốt thép mác 200<sup>II</sup>.

#### b. Thoát nước thải:

Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phải được qua xử lý sơ bộ trong từng cơ sở sản xuất đạt chất lượng loại C (theo TCVN 5945-1995) sau đó được thu gom và xử lý tại trạm xử lý nước thải của khu công nghiệp, đạt chỉ tiêu chất lượng nước cho phép theo tiêu chuẩn loại B (theo TCVN 5945-1995) trước khi xả ra ngoài môi trường.

Nước thải khu vực chế biến khoáng sản, sản xuất chế biến nông lâm sản và khu cơ khí sửa chữa, các ngành phụ trợ được quy hoạch chảy theo độ dốc của địa hình và đường giao thông, hướng ra khu xử lý nước thải (ký hiệu KT3) phía Đông Bắc của khu công nghiệp.

Nước thải khu sản xuất vật liệu xây dựng, trong giai đoạn đầu chỉ thu hút các ngành, sản phẩm sạch không ảnh hưởng đến môi trường. Tùy theo tính chất và nhu cầu phát triển tại giai đoạn sau có thể xây dựng thêm một trạm xử lý nước thải (ký hiệu KT4) ở phía Tây Bắc của khu công nghiệp phục vụ cho khu vực này.

Nước thải sản xuất được xử lý bằng phương pháp hóa học, phương pháp vi sinh lắng lọc hoặc kết hợp các phương pháp đồng thời để loại bỏ những hợp chất cao phân tử, những chất độc hại và những chất rắn, chất lơ lửng có trong thành phần của nước thải.

Nước thải sinh hoạt cần được làm sạch sơ bộ qua các bể tự hoại trong từng cơ sở sản xuất công nghiệp, sau đó được xả vào mạng lưới thoát nước thải chung của khu công nghiệp.

#### c. Vệ sinh môi trường.

Các chất thải rắn, phế thải được thu gom và tập kết tại bãi gom rác của khu công nghiệp, sau đó được chuyển đến bãi rác thải tập trung của huyện Phong Thổ hoặc được xử lý qua các hợp đồng thu gom vận chuyển và xử lý rác thải với Công ty Môi trường đô thị địa phương.

### 4.3. Quy hoạch cấp nước:

Nguồn nước từ cung cấp sẽ được lấy từ sông Nậm So, nước được đưa về trạm cấp nước đặt tại khu hạ tầng kỹ thuật, sau đó theo hệ thống đường ống, nước được đưa đến các lô đất cơ sở sản xuất công nghiệp.

Khu công nghiệp (diện tích sử dụng 141,3 ha): Được tính toán theo tiêu chuẩn cấp nước cho sản xuất, (trừ đi diện tích 02 cơ sở công nghiệp hiện có), nước sinh hoạt, công cộng, tưới cây, rửa đường, nước cứu hỏa và nước dự phòng. Cụ thể như sau:

Nước cho sản xuất công nghiệp:  $56 \text{ m}^3/\text{ha}$ .

Nước sinh hoạt trong khu công nghiệp:  $60 \text{ lít/người/ngày}$ .

Nước tưới cây:  $30 \text{ m}^3/\text{ha}$ .

Nước rửa đường:  $4 \text{ m}^3/\text{ha}$ .

- Quy mô:

Nước cho sản xuất:  $q_1 = 56 \text{ m}^3 \times 72 \text{ ha} = 4.032 \text{ (m}^3/\text{ngày.đêm)}$ .

Nước sinh hoạt:  $q_2 = 60 \text{ lít} \times 3.200 \text{ người} = 192 \text{ (m}^3/\text{ngày.đêm)}$ .

Nước tưới cây:  $q_3 = 30 \text{ m}^3 \times 18,1 \text{ ha} \times 20\% = 108,6 \text{ (m}^3/\text{ngày.đ)}$ .

Nước rửa đường:  $q_4 = 4 \text{ m}^3 \times 6,5 \text{ ha} = 26 \text{ (m}^3/\text{ngày.đêm)}$ .

- Tổng nhu cầu tiêu thụ nước của khu công nghiệp Mường So:

$Q = 4.800 \text{ (m}^3/\text{ngày.đêm)}$ .

#### 4.4. Quy hoạch cấp điện:

- Nguồn điện: Nguồn điện cung cấp cho khu vực là lưới điện quốc gia 35 kv

- Đặt một trạm biến áp 22/10/0,4kV-320kVA để cung cấp điện khu trung tâm, khu ở dân dụng. Điện dùng cho sản xuất công nghiệp tùy theo nhu cầu phụ tải hạ các trạm biến áp phù hợp đến khu đất có cơ sở công nghiệp và dịch vụ.

Khu công nghiệp được cấp điện bằng đường dây điện trần trên không. Xuất phát từ 2 thanh cái 22 KV của trạm biến áp trung gian 110/22KV-2x3,6 MVA sẽ có 02 tuyến áp dây trần trên không lộ đơn chạy dọc theo tuyến đường khu công nghiệp.

Điện được đầu từ mạng 22 kv tới các trạm biến áp hạ thế 22/0,4 KV của các nhà máy, xí nghiệp.

Tại các phụ tải, yêu cầu sử dụng các trạm cắt đặt tại ranh giới giữa 02 lô kề nhau. Trạm cắt chọn loại 04 đường, 02 đường cấp tới và 02 đường cấp cấp cho các trạm biến áp của các lô.

Do đặc điểm địa lý, khu công nghiệp nằm ở vùng núi có mật độ sét đánh cao vì vậy để bảo vệ lưới điện 22 KV, tuyến điện dây trần trên không lộ đơn 22kV được bảo vệ bằng dây thu sét lắp trên đỉnh cột li tâm cao 14m và dây điện trần được lắp đặt trên 02 bộ xà đỡ lệch 24kV.

Vật liệu sử dụng:

+ Sứ cách điện ngoài trời 24kV.

+ Cột bê tông li tâm cao 14m.

+ Cáp trần trên không sử dụng loại cáp dây nhôm lõi thép AC70.

+ Các cột néo, cột câu đầu dây sử dụng cột thép cao 14m hoặc li tâm kép.

- Tại các nhà máy, xí nghiệp sẽ có các trạm hạ áp 22/0,4KV, công suất các trạm này sẽ phụ thuộc vào quy mô của từng nhà máy, cơ sở công nghiệp. Đường cấp tới các lô phân chia bằng cáp XLPE/PVC-AV70(12.7-24kV).



- Lưới chiếu sáng:
- + Mạng lưới chiếu sáng bố trí đi nổi theo mạng hạ áp 0,4kv; Hình thức chiếu sáng dùng đèn cao áp 125w+250w-220v; dùng dây PVC (4x16).

#### 4.5. Quy hoạch san nền:

Giải pháp chọn:

- San lấp tại chỗ đối với khu vực có độ dốc nền tự nhiên  $i < 10\%$ .
- San lấp theo các cấp liên hệ với nhau bằng các dải cây xanh và mái ta luy với hệ số dốc  $m = 1/0,75$  đối với khu vực có độ dốc tự nhiên:  $< 10\% < i < 25\%$ .
- Khu vực trồng cây xanh không tổ chức san lấp mà giữ nguyên địa hình hiện trạng.

Trong khu vực xây dựng nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, định hướng san nền thành hai đến ba cấp chính, bám theo địa hình, khu vực bên suối bố trí đắp một số chỗ trũng và kê các vị trí gần suối có thể gây sạt lở.

#### 4.6. Quy hoạch thu gom chất thải rắn:

Chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày của toàn khu được phân loại từ nguồn thành chất thải rắn vô cơ (túi nilon, chai nhựa, thủy tinh, kim loại...) và chất thải rắn hữu cơ (rau, quả, củ, phế thải thực phẩm...) chất thải rắn vô cơ được thu hồi để tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày và đưa về khu xử lý

**Điều 2.** Giao cho Sở Công thương, UBND huyện Phong Thổ tổ chức Công bố công khai cho nhân dân và các đơn vị kinh tế xã hội liên quan trên địa bàn nội dung quy hoạch, nghiêm chỉnh thực hiện theo quy hoạch đã phê duyệt. Chỉ đạo việc thực hiện dự án xây dựng sau quy hoạch, phối hợp chặt chẽ với các Ban, ngành liên quan triển khai thực hiện xây dựng khu vực theo đúng nội dung được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các ông: Chánh văn phòng UBND Tỉnh; Giám đốc các sở Kế hoạch & Đầu tư, Tài nguyên và môi trường, Xây dựng, Công thương; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phong Thổ; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

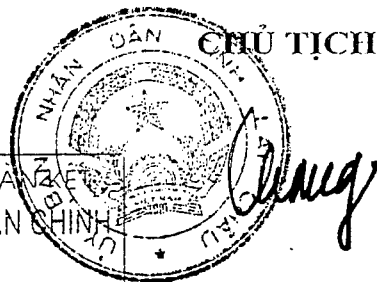
Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VT. CN.

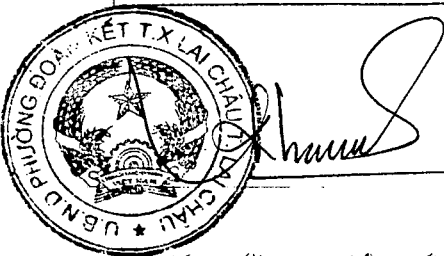
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG ĐOÀN KẾT T. X. LAI CHAU  
CHỨNG THỰC SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

11-03-2009

SỐ CT..... 1300..... Quận..... 8 CTTP-HT-BC



*Lo Văn Giang*



*Vũ Hồng Khanh*